

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~34~~58/STC-QLNS
V/v giải trình ý kiến cử tri tại
kỳ họp thứ 16, HĐND tỉnh
khóa VII

Quảng Trị, ngày 13 tháng 10 năm 2020

Kính gửi:

- Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 3644/UBND-TH ngày 10/8/2020 về việc báo cáo giải quyết, giải trình ý kiến, kiến nghị của cử tri tại kỳ họp thứ 16 HĐND tỉnh khóa VII;

Sau khi nghiên cứu kiến nghị cử tri tại Báo cáo số 218/BC-HĐND ngày 21/7/2020 của HĐND tỉnh; Sở Tài chính báo cáo giải trình ý kiến cử tri về kinh phí hỗ trợ cho cán bộ thú y và những người tham gia phòng, chống dịch tả lợn Châu Phi năm 2019 (tại khoản 1, mục I Báo cáo số 218/BC-HĐND) như sau:

Thực hiện Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị hại do thiên tai, dịch bệnh; Quyết định số 793/QĐ-TTg ngày 27/06/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc cơ chế, chính sách, đối tượng hỗ trợ, mức hỗ trợ kinh phí trong phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi; Công văn số 16043/BTC-NSNN ngày 31/12/2019 của Bộ Tài chính về việc kinh phí tiêu hủy lợn mắc bệnh dịch tả lợn Châu Phi, lở mồm long móng;

Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện chính sách sách hỗ trợ cho các hộ chăn nuôi bị thiệt hại do bệnh dịch tả lợn Châu Phi, lở mồm long móng của tỉnh Quảng Trị năm 2019 và báo cáo Bộ Tài chính hỗ trợ kinh phí như sau:

- Kinh phí thực hiện chính sách sách hỗ trợ cho các hộ chăn nuôi bị thiệt hại do bệnh dịch tả lợn Châu Phi, lở mồm long móng năm 2019: Ngân sách tỉnh hỗ trợ đủ 100% kinh phí phần ngân sách tỉnh phải hỗ trợ cho các huyện, thành phố, thị xã theo quy định.

- Kinh phí hỗ trợ cán bộ thú y và những người tham gia phòng, chống bệnh dịch động vật trên địa bàn tỉnh năm 2019 theo Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND tỉnh (bao gồm: cán bộ thú y; lực lượng làm

nhiệm vụ tiêu hủy, phun hóa chất, tiêu độc khử trùng; lực lượng thực hiện các nhiệm vụ tại các chốt kiểm dịch; tổ cơ động; Ban chỉ đạo chống dịch cấp xã). Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính hỗ trợ kinh phí theo tại Công văn số 706/UBND-TM ngày 27/2/2020. Đến nay, Bộ Tài chính chưa có thông báo hỗ trợ kinh phí cho tỉnh.

Theo yêu cầu của Bộ Tài chính, để xem xét hỗ trợ kinh phí từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh. Địa phương báo cáo kết quả thực hiện chi phòng, chống dịch, kèm theo bảng kê chi tiết các quyết định chi ngân sách của UBND các cấp ở địa phương có xác nhận số thực chi từ ngân sách nhà nước của Kho bạc Nhà nước (kèm các quyết định chi ngân sách) gửi Bộ Tài chính.

Để đảm bảo theo yêu cầu của Bộ Tài chính, trên cơ sở tổng hợp báo cáo nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi của UBND các huyện, thành phố, thị xã. Ngày 12/10/2020, Sở Tài chính có Tờ trình số 3447/TTr-STC, trình và đề xuất UBND tỉnh trích ngân sách tỉnh năm 2020: 8.542 triệu đồng, tạm cấp cho các huyện, thành phố, thị xã thực hiện hỗ trợ cho cán bộ thú y và những người tham gia phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu phi năm 2019 (từ ngày 26/7/2019-31/12/2019). Kết thúc chi trả chế độ hỗ trợ người tham gia phòng, chống dịch bệnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã chỉ đạo các đơn vị liên quan báo cáo kết quả, có xác nhận Kho bạc Nhà nước gửi Sở Tài chính để tổng hợp hồ sơ báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài chính hỗ trợ kinh phí. Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu trình UBND tỉnh trả lại nguồn cho ngân sách địa phương khi Trung ương hỗ trợ kinh phí (Công văn này thay thế Công văn số 3071/STC-QLNS ngày 08/9/2020).

Sở Tài chính báo cáo HĐND tỉnh, UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, các PGD;
- Phòng TCHCSN;
- Lưu: VT, QLNS.



GIÁM ĐỐC

Lê Thị Thanh

TỜ TRÌNH

**Về việc tạm cấp kinh phí hỗ trợ cho cán bộ thú y và những người
tham gia phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu phi năm 2019
(từ ngày 26/7/2019-31/12/2019).**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ Quyết định số 719/QĐ-TTg ngày 05/06/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm; Quyết định số 793/QĐ-TTg ngày 27/06/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc cơ chế, chính sách, đối tượng hỗ trợ, mức hỗ trợ kinh phí trong phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi;

Căn cứ Công văn số 16043/BTC-NSNN ngày 31/12/2019 của Bộ Tài chính về việc kinh phí tiêu hủy lợn mức bệnh dịch tả lợn Châu Phi, lở mồm long móng;

Căn cứ Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND tỉnh về việc quy định kinh phí hỗ trợ cho cán bộ thú y và những người tham gia phòng, chống dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Trên cơ sở tổng hợp báo cáo nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi của UBND các huyện, thành phố, thị xã. Sở Tài chính kính trình và đề xuất UBND tỉnh một số nội dung như sau:

1. Trích ngân sách tỉnh năm 2020: 8.542.000.000 đồng (*Tám tỷ năm trăm bốn mươi hai triệu đồng*) tạm cấp cho các huyện, thành phố, thị xã thực hiện hỗ trợ cho cán bộ thú y và những người tham gia phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu phi năm 2019 (từ ngày 26/7/2019-31/12/2019).

(Chi tiết kèm theo)

2. Kết thúc chi trả chế độ, đề nghị UBND các huyện, thành phố, thị xã chỉ đạo các đơn vị liên quan báo cáo, có xác nhận Kho bạc nhà nước để tổng hợp hồ sơ báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài chính hỗ trợ kinh phí.

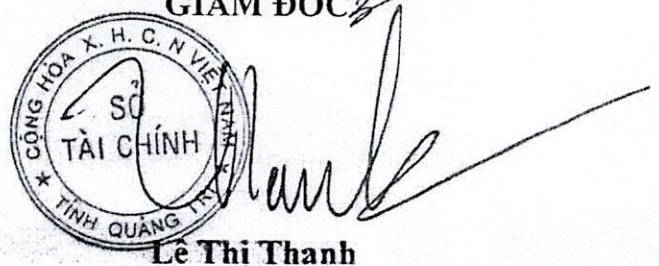
3. Sau khi Trung ương hỗ trợ kinh phí, Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu trình UBND tỉnh trả lại nguồn cho ngân sách địa phương.

Kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- UBND các huyện, TP, TX;
- Giám đốc, các PGĐ;
- Lưu: VT, QLNS, TCHCSN.

GIÁM ĐỐC



Lê Thị Thanh

TẠM CẤP KINH PHÍ HỖ TRỢ CHO CÁN BỘ THỦ Y VÀ NHỮNG NGƯỜI THAM GIA CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG BỆNH DỊCH TẮ
LỚN CHÂU PHI NĂM 2019 (TỪ NGÀY 27/6/2019 ĐẾN 31/12/2019) TRÊN ĐỊA BÀN
 (Kèm theo Tờ trình số 3447/TTr-STC ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Sở Tài chính)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Huyện, thành phố, thị xã	Số ngày công (ngày)			Mức hỗ trợ (Tr.đồng/người/ngà		Tổng nhu cầu ngân sách nhà nước hỗ trợ					Kinh phí NS tỉnh hỗ trợ (70%)	Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó		Ngày thường	Ngày nghỉ, lễ, tết	Tổng cộng	Trong đó		Chia ra			
			Ngày thường	Ngày nghỉ, lễ, tết				Ngày thường	Ngày nghỉ, lễ, tết	Ngân sách tỉnh (70%)	Ngân sách huyện (30%)		
	Tổng cộng	48.166	35.320	12.846	8.800	17.600	12.202.200	7.064.000	5.138.200	8.541.540	3.660.660	8.542.000	
1	Thành phố Đông Hà	434	177	257	600	1.200	138.200	35.400	102.800	96.740	41.460	97.000	
	Cán bộ thú y	283	177	106	200	400	77.800	35.400	42.400	54.460	23.340	54.000	
	Lực lượng tham gia nhiệm vụ tiêu hủy, phun hóa chất, khử trùng tiêu độc	124		124	200	400	49.600	0	49.600	34.720	14.880	35.000	
	BCĐ phòng chống dịch bệnh	27		27	200	400	10.800	0	10.800	7.560	3.240	8.000	
2	Thị xã Quảng Trị	633	482	151	600	1.200	156.700	96.300	60.400	109.690	47.010	110.000	
	Cán bộ thú y	267	197	70	200	400	67.400	39.400	28.000	47.180	20.220	47.000	
	Lực lượng thực hiện nhiệm vụ tiêu hủy	342	273	69	200	400	82.100	54.500	27.600	57.470	24.630	58.000	
	Lực lượng tham gia nhiệm vụ tiêu hủy, phun hóa chất, khử trùng tiêu độc	24	12	12	200	400	7.200	2.400	4.800	5.040	2.160	5.000	
	BCĐ phòng chống dịch bệnh	84	68	16	100	200	10.000	6.800	3.200	7.000	3.000	7.000	
3	Huyện Vĩnh Linh	5.214	3.786	1.429	1.000	2.000	1.328.500	757.100	571.400	929.950	398.550	930.000	
	Cán bộ thú y	4.166	3.071	1.096	200	400	1.052.300	614.100	438.200	736.610	315.690	737.000	
	Lực lượng tham gia nhiệm vụ tiêu hủy, phun hóa chất, khử trùng tiêu độc	883	616	267	200	400	230.000	123.200	106.800	161.000	69.000	161.000	

STT	 Huyện, thành phố, thị xã	Số ngày công (ngày)			Mức hỗ trợ (Tr.đồng/người/ngà		Tổng nhu cầu ngân sách nhà nước hỗ trợ					Kinh phí NS tỉnh hỗ trợ (70%)	Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó		Ngày thường	Ngày nghỉ, lễ, tết	Tổng cộng	Trong đó		Chia ra			
			Ngày thường	Ngày nghỉ, lễ, tết				Ngày thường	Ngày nghỉ, lễ, tết	Ngân sách tỉnh (70%)	Ngân sách huyện (30%)		
	BCĐ phòng chống dịch bệnh	165	99	66	200	400	46.200	19.800	26.400	32.340	13.860	32.000	
4	Huyện Gio Linh	7.375	5.293	2.082	1.000	2.000	1.891.400	1.058.600	832.800	1.323.980	567.420	1.324.000	
	Cán bộ thú y	1.311	959	352	200	400	332.400	191.800	140.600	232.680	99.720	233.000	
	Lực lượng thực hiện nhiệm vụ tiêu hủy	3.467	2.557	910	200	400	875.400	511.400	364.000	612.780	262.620	613.000	
	Lực lượng tham gia nhiệm vụ tiêu hủy, phun hóa chất, khử trùng tiêu độc	540	395	145	200	400	136.800	79.000	57.800	95.760	41.040	96.000	
	Lực lượng thực hiện các nhiệm vụ tại các trạm kiểm dịch, chốt dịch	144	114	30	200	400	34.800	22.800	12.000	24.360	10.440	24.000	
	BCĐ phòng chống dịch bệnh	1.914	1.268	646	200	400	512.000	253.600	258.400	358.400	153.600	358.000	
5	Huyện Triệu Phong	12.580	9.324	3.257	1.200	2.400	3.167.300	1.864.700	1.302.600	2.217.110	950.190	2.217.000	
	Cán bộ thú y	3.538	2.600	938	200	400	895.000	520.000	375.000	626.500	268.500	627.000	
	Lực lượng thực hiện nhiệm vụ tiêu hủy	3.123	2.231	892	200	400	802.900	446.100	356.800	562.030	240.870	562.000	
	Lực lượng tham gia nhiệm vụ tiêu hủy, phun hóa chất, khử trùng tiêu độc	1.551	1.166	385	200	400	387.000	233.200	153.800	270.900	116.100	271.000	
	Lực lượng thực hiện các nhiệm vụ tại các trạm kiểm dịch, chốt dịch	356	278	78	200	400	86.800	55.600	31.200	60.760	26.040	61.000	
	Tổ cơ động	947	640	307	200	400	250.800	128.000	122.800	175.560	75.240	175.000	
	BCĐ phòng chống dịch bệnh	3.067	2.409	658	200	400	744.800	481.800	263.000	521.360	223.440	521.000	
6	Huyện Hải Lăng	16.292	12.228	4.064	1.200	2.400	4.071.200	2.445.600	1.625.600	2.849.840	1.221.360	2.850.000	
	Cán bộ thú y	3.129	2.332	797	200	400	785.100	466.300	318.800	549.570	235.530	550.000	



STT	 SỞ TÀI CHÍNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỈNH QUẢNG TRỊ Huyện, thành phố, thị xã	Số ngày công (ngày)			Mức hỗ trợ (Tr.đồng/người/ngà		Tổng nhu cầu ngân sách nhà nước hỗ trợ					Kinh phí NS tỉnh hỗ trợ (70%)	Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó		Ngày thường	Ngày nghỉ, lễ, tết	Tổng cộng	Trong đó		Chia ra			
			Ngày thường	Ngày nghỉ, lễ, tết				Ngày thường	Ngày nghỉ, lễ, tết	Ngân sách tỉnh (70%)	Ngân sách huyện (30%)		
	Lực lượng thực hiện nhiệm vụ tiêu hủy	7.926	5.915	2.011	200	400	1.987.300	1.182.900	804.400	1.391.110	596.190	1.391.000	
	Lực lượng tham gia nhiệm vụ tiêu hủy, phun hóa chất, khử trùng tiêu độc	1.166	912	254	200	400	284.000	182.400	101.600	198.800	85.200	199.000	
	Lực lượng thực hiện các nhiệm vụ tại các trạm kiểm dịch, chốt dịch	559	467	92	200	400	130.200	93.400	36.800	91.140	39.060	91.000	
	Tổ cơ động	230	204	26	200	400	51.200	40.800	10.400	35.840	15.360	36.000	
	BCĐ phòng chống dịch bệnh	3.283	2.399	884	200	400	833.400	479.800	353.600	583.380	250.020	583.000	
7	Huyện Cam Lộ	2.958	2.057	902	1.200	2.400	771.900	411.300	360.600	540.330	231.570	540.000	
	Cán bộ thú y	619	422	198	200	400	163.300	84.300	79.000	114.310	48.990	114.000	
	Lực lượng thực hiện nhiệm vụ tiêu hủy	907	608	299	200	400	241.200	121.600	119.600	168.840	72.360	169.000	
	Lực lượng tham gia nhiệm vụ tiêu hủy, phun hóa chất, khử trùng tiêu độc	234	166	68	200	400	60.400	33.200	27.200	42.280	18.120	42.000	
	BCĐ phòng chống dịch bệnh	1.198	861	337	200	400	307.000	172.200	134.800	214.900	92.100	215.000	
8	Huyện Đakrông	2.506	1.829	677	1.200	2.400	636.600	365.800	270.800	445.620	190.980	446.000	
	Cán bộ thú y	746	555	191	200	400	187.400	111.000	76.400	131.180	56.220	131.000	
	Lực lượng thực hiện nhiệm vụ tiêu hủy	357	287	70	200	400	85.400	57.400	28.000	59.780	25.620	60.000	
	Lực lượng tham gia nhiệm vụ tiêu hủy, phun hóa chất, khử trùng tiêu độc	193	175	18	200	400	42.200	35.000	7.200	29.540	12.660	30.000	
	Lực lượng thực hiện các nhiệm vụ tại các trạm kiểm dịch, chốt dịch	603	439	164	200	400	153.400	87.800	65.600	107.380	46.020	107.000	



STT	
-----	---